

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP
VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2019



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2019	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019	8 – 9
Thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	10 – 37

123
WTC
SM
11

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 03 Đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Châu Thành	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Phước	Thành viên
Bà Trần Thị Thúy Hằng	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Võ Đình Quốc Huy	Trưởng ban
Ông Đặng Thanh Hồng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thanh An	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Hữu Phước	Tổng Giám đốc
Ông Thái Văn Thum	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Thúy Hằng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Minh Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính riêng.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Hữu Phước

Tổng Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 14 tháng 08 năm 2019

RSM Vietnam

Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3
140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

T +848 3827 5026

F +848 3827 5027

www.rsm.global/vietnam

Số: 20.119/BCSX-RSM HCM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp, được lập ngày 14 tháng 08 năm 2019, từ trang 05 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

(Xem tiếp trang sau)

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Lục Thị Vân

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2019

Như đã trình bày tại mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc, báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		578.265.937.084	566.432.789.266
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		14.068.784.525	13.644.192.150
1. Tiền	111	4.1	14.068.784.525	13.644.192.150
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		402.000.000.000	382.389.513.889
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	402.000.000.000	382.389.513.889
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		84.214.740.934	89.416.759.739
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	31.835.354.607	43.273.838.600
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	37.004.432.654	36.434.680.349
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	17.228.623.980	11.561.911.097
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.853.670.307)	(1.853.670.307)
IV. Hàng tồn kho	140	4.6	73.075.783.410	77.220.832.886
1. Hàng tồn kho	141		73.675.696.015	77.325.127.471
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(599.912.605)	(104.294.585)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.906.628.215	3.761.490.602
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.11	4.906.628.215	3.760.399.966
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	1.090.636
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		364.837.378.965	365.198.456.721
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.286.886.315	3.103.878.508
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	3.286.886.315	3.103.878.508
II. Tài sản cố định	220		143.332.268.241	142.172.287.092
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	119.045.895.918	117.583.952.227
Nguyên giá	222		302.269.528.318	298.648.918.251
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(183.223.632.400)	(181.064.966.024)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	4.9	21.782.003.627	22.061.090.743
Nguyên giá	225		25.959.244.055	25.959.244.055
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(4.177.240.428)	(3.898.153.312)
3. Tài sản cố định vô hình	227	4.8	2.504.368.696	2.527.244.122
Nguyên giá	228		4.986.604.330	4.986.604.330
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.482.235.634)	(2.459.360.208)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		119.633.719.680	111.641.233.317
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.10	119.633.719.680	111.641.233.317
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	11.664.838.971	23.664.838.971
1. Đầu tư vào công ty con	251		11.664.838.971	11.664.838.971
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.192.413.670	1.192.413.670
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.192.413.670)	(1.192.413.670)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	12.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		86.919.665.758	84.616.218.833
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.11	86.919.665.758	84.616.218.833
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		943.103.316.049	931.631.245.987

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2019

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 01/01/2019
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		463.314.459.591	435.632.303.753
I. Nợ ngắn hạn	310		329.737.470.364	295.843.440.418
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	9.376.548.940	13.838.758.927
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.13	12.653.270.451	24.825.262.209
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.14	29.825.305.595	34.357.640.061
4. Phải trả người lao động	314	4.15	49.343.236.637	69.662.598.127
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.16	11.216.230.960	10.477.961.624
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	4.18	2.427.211.609	2.423.748.216
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.17	32.105.590.928	7.088.902.263
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.19	151.962.918.443	108.148.981.102
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		3.198.508.211	3.423.578.713
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		27.628.648.590	21.596.009.176
II. Nợ dài hạn	330		133.576.989.227	139.788.863.335
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	4.18	94.564.688.479	95.776.562.587
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.19	39.012.300.748	44.012.300.748
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		479.788.856.458	495.998.942.234
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.20	479.788.856.458	495.998.942.234
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		386.000.000.000	386.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		386.000.000.000	386.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(46.460.000)	(46.460.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		60.336.185.720	49.972.807.893
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		33.499.130.738	60.072.594.341
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		33.499.130.738	60.072.594.341
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		943.103.316.049	931.631.245.987



Nguyễn Hữu Phước

Tổng Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 14 tháng 08 năm 2019

Nguyễn Thành Trung

Kế toán trưởng

Nguyễn Phúc An

Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4.21	268.387.447.851	238.777.675.060
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	79.893.696
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		268.387.447.851	238.697.781.364
4. Giá vốn hàng bán	11	4.22	188.762.948.923	164.821.361.694
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		79.624.498.928	73.876.419.670
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.23	16.173.861.084	18.258.944.638
7. Chi phí tài chính	22	4.24	4.515.587.349	1.102.502.738
Trong đó, chi phí lãi vay	23		4.515.587.349	1.102.502.738
8. Chi phí bán hàng	25	4.25	11.272.875.695	9.828.654.167
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.26	17.103.706.181	22.157.816.214
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		62.906.190.787	59.046.391.189
11. Thu nhập khác	31	4.27	1.992.270.252	1.163.532.705
12. Chi phí khác	32		141.330.774	349.614.219
13. Lợi nhuận khác	40		1.850.939.478	813.918.486
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		64.757.130.265	59.860.309.675
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.29	12.917.004.227	11.635.970.492
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		51.840.126.038	48.224.339.183



Nguyễn Hữu Phước

Tổng Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 14 tháng 08 năm 2019

Nguyễn Thành Trung

Kế toán trưởng

Nguyễn Phúc An

Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		64.757.130.265	59.860.309.675
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	4.28	10.520.666.087	9.033.255.039
Các khoản dự phòng	03		270.547.518	(202.247.708)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(15.886.966.035)	(18.183.624.130)
Chi phí lãi vay	06	4.24	4.515.587.349	1.102.502.738
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		64.176.965.184	51.610.195.614
Giảm các khoản phải thu	09		10.218.865.771	6.613.311.041
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		3.649.431.456	(15.759.344.455)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(43.157.714.717)	52.839.213.458
Tăng chi phí trả trước	12		(3.449.675.174)	(60.600.554.660)
Tiền lãi vay đã trả	14		(4.515.587.349)	(1.102.502.738)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.14	(10.088.354.825)	(9.633.558.278)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.963.130.000)	(1.540.532.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		14.870.800.346	22.426.227.982
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(20.991.474.909)	(27.820.115.091)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.516.494.716	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(139.000.000.000)	(90.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		131.389.513.889	76.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.490.048.492	5.403.055.927
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(16.595.417.812)	(36.417.059.164)

(Xem tiếp trang sau)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	4.30	269.513.937.341	144.500.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	4.31	(230.700.000.000)	(126.800.000.000)
3. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	(648.981.102)
4. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36		(36.664.727.500)	(3.473.460.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		2.149.209.841	13.577.558.898
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM				
(50 = 20+30+40)	50		424.592.375	(413.272.284)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		13.644.192.150	4.441.810.074
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM				
(70 = 50+60+61)	70	4.1	14.068.784.525	4.028.537.790



Nguyễn Hữu Phước

Tổng Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 14 tháng 08 năm 2019

Nguyễn Thành Trung

Kế toán trưởng

Nguyễn Phúc An

Người lập

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một thành viên Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1400101396 cấp lần đầu ngày 09 tháng 07 năm 2010.

Theo Quyết định số 997/QĐ-UBND-HC ngày 25/09/2015 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Đồng Tháp, Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một thành viên Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp được chuyển đổi thành công ty cổ phần.

Tại ngày 10 tháng 11 năm 2016, Công ty Cổ phần Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp đã nhận vốn và tài sản từ Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một thành viên Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp theo Biên Bản Bàn Giao "Vốn và Tài sản từ Doanh nghiệp nhà nước sang Công ty Cổ phần Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp". Công ty hoạt động dưới hình thức là công ty cổ phần từ ngày 11 tháng 11 năm 2016 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1400101396 thay đổi lần thứ 6 ngày 25 tháng 01 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 386.000.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 03 Đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2019 là 450 (31 tháng 12 năm 2018 là: 450).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

- Kinh doanh xây lắp và khai thác cát;
- Sản xuất công nghiệp;
- Thương mại và dịch vụ;
- Thi công xây dựng công trình giao thông và công trình dân dụng;
- Đầu tư và kinh doanh bất động sản;
- Đầu tư và kinh doanh khu công nghiệp.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Khai thác cát sông - Thi công san lấp mặt bằng;
- Sản xuất và kinh doanh các loại VLXD: Bê tông tươi - Bê tông ly tâm - Bê tông nhựa nóng;
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng KCN và kinh doanh nhà đất;
- Xây dựng công trình giao thông, công nghiệp, dân dụng, nhà ở và trang trí nội thất;
- Khảo sát, thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông và dịch vụ tư vấn xây dựng;
- Sản xuất phụ tùng cơ khí và sửa chữa phương tiện thủy, bộ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, thủy nội địa;
- Thử nghiệm cơ khí VLXD, kiểm định chất lượng xây dựng, an toàn chịu lực công trình.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính riêng năm 2018.

4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Tiền mặt	10.503.718.811	4.245.128.918
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.565.065.714	9.399.063.232
Cộng	14.068.784.525	13.644.192.150

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn là khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 12 - 13 tháng với lãi suất trung bình từ 6,4%/năm đến 8,0%/ năm.

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn đã được thể chấp cho các khoản vay ngân hàng được chi tiết như sau:

- Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sa Đéc, được dùng để đảm bảo cho khoản vay thấu chi có hạn mức là 25.500.000.000 VND, theo Vãn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thấu chi số 04.03/2018/543444/SĐBS ngày 01 tháng 07 năm 2019 – Xem thêm mục 4.19, được chi tiết như sau:

Tài khoản	Lãi suất	Thời hạn (tháng)	Ngày đáo hạn	Giá trị (VND)
69610000153836	7,0%	12	05/12/2019	5.000.000.000
69610000154167	7,0%	12	07/12/2019	1.000.000.000
69610000156455	7,0%	12	27/12/2019	4.500.000.000
69610000168335	7,0%	12	25/03/2020	5.000.000.000
69610000180250	7,0%	12	28/06/2020	5.000.000.000
69610000180320	7,0%	12	01/07/2020	5.000.000.000
69610000153836	7,0%	12	05/12/2019	5.000.000.000

Cộng

25.500.000.000

- Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp, được dùng để đảm bảo cho khoản vay có hạn mức là 5.000.000.000 VND, theo Hợp đồng tín dụng số 04/2018/543444/HĐTD ngày 10 tháng 12 năm 2018 – Xem thêm mục 4.19, được chi tiết như sau:

Tài khoản	Lãi suất	Thời hạn (tháng)	Ngày đáo hạn	Giá trị (VND)
696100000153836	7,0%	12	05/12/2019	5.000.000.000

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 03 Đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

- Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp, được dùng để đảm bảo cho khoản vay thấu chi có hạn mức là 4.000.000.000 VND, theo Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thấu chi số 05-03/2018/543444/PLHĐTC ngày 12 tháng 12 năm 2018 – Xem thêm mục 4.19, được chi tiết như sau:

Tài khoản	Lãi suất	Thời hạn (tháng)	Ngày đáo hạn	Giá trị (VND)
69110000671111	6,5%	12	13/09/2019	4.000.000.000

- Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp, được dùng để đảm bảo cho khoản vay thấu chi có hạn mức là 28.000.000.000 VND, theo Hợp đồng hạn mức thấu chi số 01/2019/543444/HĐTD ngày 17 tháng 06 năm 2019 – Xem thêm mục 4.19, được chi tiết như sau:

Tài khoản	Lãi suất	Thời hạn (tháng)	Ngày đáo hạn	Giá trị (VND)
69110000655124	6,4%	12	17/07/2019	14.000.000.000
69110000658910	6,4%	12	01/08/2019	2.000.000.000
69110000659357	6,4%	12	02/08/2019	5.000.000.000
69110000661352	6,4%	12	09/08/2019	7.000.000.000

Cộng

28.000.000.000

- Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp, được dùng để đảm bảo cho khoản vay thấu chi có hạn mức là 2.000.000.000 VND, theo Hợp đồng thấu chi số 04/2018/543444/HĐTC ngày 11 tháng 12 năm 2018 – Xem thêm mục 4.19, được chi tiết như sau:

Tài khoản	Lãi suất	Thời hạn (tháng)	Ngày đáo hạn	Giá trị (VND)
69110000677030	6,8%	12	01/10/2019	2.000.000.000

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 03 Đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

- Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp, được dùng để đảm bảo cho khoản vay thấu chi có hạn mức là 46.000.000.000 VND, theo Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 06-05/2018/543444/PLHĐTC ngày 16 tháng 05 năm 2019 – Xem thêm mục 4.19, được chi tiết như sau:

Tài khoản	Lãi suất	Thời hạn (tháng)	Ngày đáo hạn	Giá trị (VND)
69110000584617	7,0%	13	15/01/2020	9.000.000.000
69110000491717	7,0%	12	16/12/2019	8.000.000.000
69110000586206	7,0%	13	22/01/2020	3.000.000.000
69110000415489	7,0%	13	19/02/2020	4.000.000.000
69110000591538	7,0%	13	12/02/2019	6.000.000.000
69110000705038	7,0%	12	01/01/2020	2.000.000.000
69110000707265	7,0%	12	18/01/2020	4.000.000.000
69110000707283	7,0%	12	18/01/2020	2.000.000.000
69110000703829	7,0%	12	07/01/2020	1.000.000.000
69110000619139	7,0%	12	15/04/2020	2.000.000.000
69110000745973	7,0%	12	16/05/2020	5.000.000.000
Cộng				46.000.000.000

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

- Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - PGD Thanh Bình Chi nhánh Đồng Tháp, được dùng để đảm bảo cho khoản vay có hạn mức là 114.000.000 VND, theo Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 01.01/2018/543444/SDBS ngày 22 tháng 05 năm 2019 – Xem thêm mục 4.19, được chi tiết như sau:

Tài khoản	Lãi suất	Thời hạn (tháng)	Ngày đáo hạn	Giá trị (VND)
6507633000345	6,8%	12	10/09/2019	5.000.000.000
6507633000351	6,8%	12	01/10/2019	3.000.000.000
6507633000368	6,8%	12	05/10/2019	2.000.000.000
6507633000380	7,0%	12	15/11/2019	5.000.000.000
6507633000401	7,0%	12	30/11/2019	10.000.000.000
6507633000418	7,5%	12	26/12/2019	5.000.000.000
6507633000424	7,5%	12	02/01/2020	3.000.000.000
6507633000482	7,5%	12	15/01/2020	2.000.000.000
Cộng				35.000.000.000

- Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp, được dùng để đảm bảo cho khoản vay thấu chi có hạn mức là 19.000.000.000 VND, theo Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng cầm cố tài khoản số 22/2018/VCB-ĐT ngày 16 tháng 04 năm 2019 – Xem thêm mục 4.19, được chi tiết như sau:

Tài khoản	Lãi suất	Thời hạn (tháng)	Ngày đáo hạn	Giá trị (VND)
060.5.000204506	6,8%	12	16/10/2019	5.000.000.000
060.5.000205154	6,5%	12	16/05/2020	4.000.000.000
060.5.000200549	6,8%	12	16/04/2020	5.000.000.000
060.5.000200864	6,8%	12	30/10/2019	5.000.000.000
Cộng				19.000.000.000

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 03 Đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

- Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sa Đéc, được dùng để đảm bảo cho khoản vay thấu chi có hạn mức là 10.500.000.000 VND, theo Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá do tổ chức tín dụng phát hành số 1736300573C ngày 05 tháng 04 năm 2019 – Xem thêm mục 4.19, được chi tiết như sau:

Tài khoản	Lãi suất	Thời hạn (tháng)	Ngày đáo hạn	Giá trị (VND)
218000113617	6,8%	12	02/10/2019	6.500.000.000
219000125330	7,1%	12	29/01/2020	4.000.000.000
Cộng				10.500.000.000

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2019			Tại ngày 01/01/2019		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con:						
Công ty Cổ phần Vận tải BMC Đồng Tháp	11.100.017.122	-	-	11.100.017.122	-	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng BMC Đồng Tháp	564.821.849	-	-	564.821.849	-	-
Cộng	11.664.838.971	-	-	11.664.838.971	-	-

Đầu tư vào đơn vị khác:

Công ty Cổ phần Docimexco	1.192.413.670	(1.192.413.670)	-	1.192.413.670	-	(1.192.413.670)
---------------------------	---------------	-----------------	---	---------------	---	-----------------

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Vận tải BMC Đồng Tháp, Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng BMC Đồng Tháp và Công ty Cổ phần Docimexco để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 03 Đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Phải thu từ khách hàng:		
Nguyễn Hoàng Vũ	4.560.000.000	-
Công ty TNHH Cường Thịnh Thi Nam Việt	2.477.782.093	1.261.197.526
Công ty TNHH Đầu tư Dịch vụ Hiếu Nguyễn	2.123.400.270	-
Ban QLDA và Phát triển quỹ đất Huyện Châu Thành	1.695.698.000	3.636.790.194
Công ty TNHH MTV San Lấp Đồng Tháp 689	-	10.377.321.032
Các khách hàng khác	20.579.474.909	27.778.925.563
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm mục 4.32	398.999.335	99.597.479
Cộng	31.835.354.607	43.273.838.600

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Trả trước cho người bán:		
Trung tâm phát triển quỹ nhà đất Tỉnh Đồng Tháp	26.513.835.000	26.513.835.000
Công ty TNHH TV Địa chất và Môi trường Tây Giang	1.200.000.000	400.000.000
Công ty TNHH ĐT XD Quảng Đồng - Đồng Tháp	1.088.487.000	-
Công ty TNHH MTV San lấp Đồng Tháp 689	-	5.919.303.480
Các nhà cung cấp khác	6.702.110.654	3.601.541.869
Trả trước cho người bán là các bên liên quan – Xem thêm mục 4.32	1.500.000.000	-
Cộng	37.004.432.654	36.434.680.349

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 03 Đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.5. Phải thu khác**

	Tại ngày 30/06/2019 VND		Tại ngày 01/01/2019 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu từ bên liên quan				
– Xem thêm mục 4.32	2.238.693.000	-	2.618.050.000	-
Tạm ứng	1.249.110.734	-	1.042.480.015	-
Phải thu ngắn hạn khác	13.740.820.246	-	7.901.381.082	-
Cộng	17.228.623.980	-	11.561.911.097	-

Dài hạn:

Ký cược, ký quỹ	3.286.886.315	-	3.103.878.508	-
-----------------	---------------	---	---------------	---

Chi tiết khoản phải thu ngắn hạn khác như sau:

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn	13.411.309.589	7.833.188.452
Khác	329.510.657	68.192.630
Cộng	13.740.820.246	7.901.381.082

4.6. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/06/2019 VND		Tại ngày 01/01/2019 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	12.142.956.606	(519.009.734)	10.894.562.088	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8.937.209.348	-	8.779.984.982	-
Thành phẩm	3.176.950.920	(80.902.871)	3.112.588.929	(104.294.585)
Hàng hóa	49.418.579.141	-	54.537.991.472	-
Cộng	73.675.696.015	(599.912.605)	77.325.127.471	(104.294.585)

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ là 599.912.605 VND đã được lập dự phòng.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2019	32.457.240.029	218.154.675.736	41.808.096.077	682.622.997	5.546.283.412	298.648.918.251
Mua trong kỳ	-	11.650.839.455	1.348.149.091	-	-	12.998.988.546
Thanh lý, nhượng bán	-	(7.341.923.934)	(2.036.454.545)	-	-	(9.378.378.479)
Tại ngày 30/06/2019	32.457.240.029	222.463.591.257	41.119.790.623	682.622.997	5.546.283.412	302.269.528.318
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2019	13.332.590.343	142.442.833.372	24.623.537.702	545.628.887	120.375.720	181.064.966.024
Khấu hao trong kỳ	731.231.298	7.638.341.063	1.557.378.808	22.348.956	269.403.420	10.218.703.545
Thanh lý, nhượng bán	-	(6.267.707.422)	(1.792.329.747)	-	-	(8.060.037.169)
Tại ngày 30/06/2019	14.063.821.641	143.813.467.013	24.388.586.763	567.977.843	389.779.140	183.223.632.400
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2019	19.124.649.686	75.711.842.364	17.184.558.375	136.994.110	5.425.907.692	117.583.952.227
Tại ngày 30/06/2019	18.393.418.388	78.650.124.244	16.731.203.860	114.645.154	5.156.504.272	119.045.895.918

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2019	2.397.616.725	76.000.000	2.512.987.605	4.986.604.330
Tại ngày 30/06/2019	2.397.616.725	76.000.000	2.512.987.605	4.986.604.330
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2019	-	76.000.000	2.383.360.208	2.459.360.208
Khấu hao trong kỳ	-	-	22.875.426	22.875.426
Tại ngày 30/06/2019	-	76.000.000	2.406.235.634	2.482.235.634
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2019	2.397.616.725	-	129.627.397	2.527.244.122
Tại ngày 30/06/2019	2.397.616.725	-	106.751.971	2.504.368.696

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 391.123.314 VND.

4.9. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Là hạ tầng khu công nghiệp Trần Quốc Toàn được Công ty thuê lại từ Sở tài chính tỉnh Đồng Tháp với giá thuê theo tổng giá trị vốn ngân sách đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp Trần Quốc Toàn là 25.959.244.055 VND trong 40 năm tính từ thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2017.

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Cụm Công nghiệp Trường Xuân	74.518.620.087	74.336.801.905
Cụm Công nghiệp Tân Lập Châu Thành	45.107.702.320	37.297.034.139
Cụm công nghiệp Tân Kiều Tháp Mười	7.397.273	7.397.273
Cộng	119.633.719.680	111.641.233.317

4.11. Chi phí trả trước

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Ngắn hạn:		
Cấp phép khai thác khoáng sản	3.386.821.453	3.513.089.375
Chi phí thuê mặt bằng, sà lan	797.496.000	87.000.000
Chi phí sửa chữa, lắp đặt	665.074.396	109.259.791
Chi phí công cụ dụng cụ	57.236.366	51.050.800
Cộng	4.906.628.215	3.760.399.966
Dài hạn:		
Tiền thuê đất KCN Trần Quốc Toản	77.225.570.010	66.910.035.465
Tiền cấp phép khai thác khoáng sản	8.712.893.748	17.483.783.368
Tiền thuê mặt bằng Cửa hàng Cao Lãnh	981.202.000	222.400.000
Khác	-	-
Cộng	86.919.665.758	84.616.218.833

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2019 VND		Tại ngày 01/01/2019 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán:				
Công ty TNHH Hữu Tâm - Đồng Tháp	1.588.569.350	1.588.569.350	906.659.350	906.659.350
Công ty TNHH Hương Thảo - Đồng Tháp	864.584.870	864.584.870	579.250.600	579.250.600
Công ty TNHH Châu Đốc 689 - An Giang	435.735.521	435.735.521	1.979.279.531	1.979.279.531
Công ty TNHH MTV DV- TM - VT Hiệp Phương - Long An	268.621.754	268.621.754	960.915.546	960.915.546
Công ty TNHH MTV Phát Duy Nha Mân - Đồng Tháp	-	-	1.331.042.460	1.331.042.460
Phải trả cho các đối tượng khác	4.688.554.360	4.688.554.360	6.690.601.297	6.690.601.297
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 4.32	1.530.483.085	1.530.483.085	1.391.010.143	1.391.010.143
Cộng	9.376.548.940	9.376.548.940	13.838.758.927	13.838.758.927

4.13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2019 VND		Tại ngày 01/01/2019 VND	
Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất Thành phố Sa Đéc	4.295.210.000		4.259.304.000	
Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng Công trình Giao Thông Tỉnh Đồng Tháp	2.805.305.000		1.800.000.000	
Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế Xây dựng XNK Thuận Phát – TP. HCM	1.333.800.772		18.765.958.209	
Các khách hàng khác	4.218.954.679			
Cộng	12.653.270.451		24.825.262.209	

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 03 Đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.14. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 30/06/2019		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2019	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	5.675.684.142	17.330.481.405	14.374.781.863	-	2.719.984.600
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	9.585.574.826	12.917.004.227	10.088.354.825	-	6.756.925.424
Thuế thu nhập cá nhân	-	120.980.522	3.171.457.500	3.582.994.539	-	532.517.561
Thuế tài nguyên	-	8.987.119.446	37.406.490.000	39.721.939.500	-	11.302.568.946
Tiền thuế đất	-	-	11.742.352.422	11.742.352.422	-	-
Phí môi trường	-	3.337.290.412	13.875.415.088	15.222.627.000	-	4.684.502.324
Tiền cấp quyền khai thác	-	2.118.656.247	2.904.850.550	9.147.335.509	-	8.361.141.206
Thuế môn bài	-	-	15.000.000	15.000.000	-	-
Thuế trước bạ	-	-	56.294.000	56.294.000	-	-
Cộng	-	29.825.305.595	99.419.345.192	103.951.679.658	-	34.357.640.061

4.15. Phải trả người lao động

Là khoản tiền lương còn phải trả cho người lao động.

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Trích trước tiền thuê mặt nước đối với hoạt động khai thác cát	7.851.098.895	6.881.452.062
Trích trước chi phí cấp quyền khai thác cát	2.933.749.632	2.933.749.632
Trích trước chi phí thuê KCN Trần Quốc Toàn	282.870.097	282.870.097
Trích trước chi phí thuê mặt bằng Cửa hàng Cao Lãnh	-	194.542.960
Khác	148.512.336	185.346.873
Cộng	11.216.230.960	10.477.961.624

4.17. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Phải trả cổ tức	23.313.429.310	-
Nhận ký quỹ, ký cược	4.518.304.199	5.416.012.806
Kinh phí công đoàn	37.737.145	37.737.145
Phải trả, phải nộp khác	4.236.120.274	1.635.152.312
Cộng	32.105.590.928	7.088.902.263

4.18. Doanh thu chưa thực hiện

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Ngắn hạn:		
Thu trước tiền cho thuê đất khu công nghiệp	2.427.211.609	2.423.748.216
Dài hạn:		
Thu trước tiền cho thuê đất khu công nghiệp	94.564.688.479	95.776.562.587

Doanh thu chưa thực hiện dài hạn là khoản tiền khách hàng trả trước 01 lần tiền thuê đất cho toàn bộ thời gian thuê đất tại khu công nghiệp Trần Quốc Toàn trong vòng 50 năm, kết thúc thời hạn thuê tại ngày 13 tháng 02 năm 2058.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.19. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2019		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hạn:						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp	91.813.937.341	91.813.937.341	191.013.937.341	167.700.000.000	68.500.000.000	68.500.000.000
Ngân hàng NN & PTNT - Chi nhánh Huyện Cao Lãnh	25.000.000.000	25.000.000.000	25.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sa Đéc	11.500.000.000	11.500.000.000	36.500.000.000	37.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Đồng Tháp	9.000.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín Đồng Tháp	4.000.000.000	4.000.000.000	8.000.000.000	4.000.000.000	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	10.648.981.102	10.648.981.102	-	-	10.648.981.102	10.648.981.102
Cộng	151.962.918.443	151.962.918.443	269.513.937.341	225.700.000.000	108.148.981.102	108.148.981.102

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Dải hạn:	Tại ngày 30/06/2019		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Dải hạn:						
	Quý Đầu tư Phát Triển					
	Tỉnh Đồng Tháp	25.000.000.000	-	5.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000
	Nợ thuê tài chính	24.661.281.850	-	-	24.661.281.850	24.661.281.850
Trừ: vay dài hạn đến hạn trả	(10.648.981.102)	(10.648.981.102)	-	-	(10.648.981.102)	(10.648.981.102)
Cộng	39.012.300.748	39.012.300.748	-	5.000.000.000	44.012.300.748	44.012.300.748

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 03 Đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Vay ngắn hạn Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp là khoản vay theo các hợp đồng tín dụng, được chi tiết như sau:

STT	Số Hợp đồng vay	Hạn mức (VND)	Số dư tại 30/06/2019	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Mục đích vay	Tài sản thế chấp
1	02/2019/543444/HĐTD	114.000.000.000	32.313.937.341	17/06/2020	7,0	Thanh toán chi phí vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	08 tài khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng - Xem thêm mục 4.2
2	01/2019/HĐ	28.000.000.000	28.000.000.000	12/06/2020	6,4	Bổ sung vốn lưu động	04 tài khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng - Xem thêm mục 4.2
3	06-05/543444/HĐTC	46.000.000.000	25.500.000.000	17/12/2019	7,0	Bù đắp thiếu hụt thanh toán (vốn ngắn hạn) tạm thời	11 tài khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng - Xem thêm mục 4.2
4	05-02/2018/543444/PLHĐTC	2.000.000.000	2.000.000.000	01/10/2019	6,8	Bù đắp thiếu hụt thanh toán (vốn ngắn hạn) tạm thời	01 tài khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng - Xem thêm mục 4.2
5	05-03/2018/543444/PLHĐTC	4.000.000.000	4.000.000.000	09/08/2019	6,5	Bù đắp thiếu hụt thanh toán (vốn ngắn hạn) tạm thời	01 tài khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng - Xem thêm mục 4.2

Tổng cộng

91.813.937.341

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 03 Đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

- Vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Đồng Tháp - CN huyện Cao Lãnh là khoản vay theo hợp đồng tín dụng số HM09.07.2018/HĐTD ngày 26 tháng 07 năm 2018 có kỳ hạn 12 tháng với hạn mức 34.000.000.000 VND; nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động. Khoản vay không yêu cầu đảm bảo tài sản. Số dư tại ngày 30 tháng 06 năm 2019 là 25.000.000.000 VND với lãi suất 7% đối với 22.000.000.000 VND và lãi suất 7,2% đối với 3.000.000.000 VND.
- Vay ngắn hạn ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sa Đéc là khoản vay thấu chi theo Hợp đồng thấu chi số 04/2018/543444/HĐTD ngày 10 tháng 12 năm 2018 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thấu chi số 04.03/2018/543444/SBBS ngày 01 tháng 07 năm 2019 có kỳ hạn 12 tháng kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2018 với lãi suất dao động từ 6,4% - 7,0% và hạn mức là 25.500.000.000 VND; nhằm bù đắp thiếu hụt thanh toán (vốn ngắn hạn) tạm thời của bên vay. Khoản vay được đảm bảo bằng 03 tài khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sa Đéc - Xem thêm mục 4.2.
- Vay ngắn hạn ngân hàng Ngoại thương Đồng Tháp là khoản vay theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 34/2018/VNCBĐT - CRC ngày 21 tháng 12 năm 2018 có kỳ hạn 12 tháng kể từ ngày 21 tháng 12 năm 2018 với lãi suất xác định tại thời điểm giải ngân và hạn mức cho vay là 19.000.000.000 VND; nhằm tài trợ nhu cầu tín dụng ngắn hạn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng 04 tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Ngoại thương Đồng Tháp theo Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng cầm cố tài sản số 22/2018/VNCB-ĐT số 02 ngày 16 tháng 05 năm 2019 - Xem thêm mục 4.2.
- Vay ngắn hạn ngân hàng Sài Gòn Thương Tín Đồng Tháp theo Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 06/LD1736300573 ngày 04 tháng 04 năm 2019 có kỳ hạn 03 tháng cho từng khoản nợ với lãi suất 7,5% và hạn mức cho vay là 23.500.000.000 VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng 02 tài khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Đồng Tháp - Xem thêm mục 4.2.

Các khoản vay dài hạn được chi tiết như sau:

- Vay dài hạn Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Tháp theo hợp đồng tín dụng số 01/2017/HĐUV-QPTĐ ngày 02 tháng 06 năm 2017 có thời gian hoàn vốn trong vòng 55 tháng kể từ ứng vốn lần đầu vào ngày 02 tháng 06 năm 2017, với số tiền vay là 40.000.000.000 VND, lãi suất 0%; nhằm thực hiện đầu tư san lấp mặt bằng khu 2 thuộc cụm Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Trường Xuân theo Công văn số 157/UBND-ĐTĐD ngày 09 tháng 05 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Số dư tại ngày 30 tháng 06 năm 2019 là 25.000.000.000 VND, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 10.000.000.000 VND.
- Khoản nợ thuế tài chính của Công ty là khoản thuế hạ tầng khu công nghiệp Trần Quốc Toản giữa Công ty và Sở tài chính tỉnh Đồng Tháp theo hợp đồng số 02/HĐ ngày 11 tháng 08 năm 2010, với tổng giá trị thuế hạ tầng là 12.457.518.514 VND trong 46 năm, bắt đầu từ năm 2010 kết thúc năm 2056. Tổng giá trị thuế hạ tầng sẽ được điều chỉnh khi các công trình đầu tư xây dựng hoàn thành và được Sở Tài chính thẩm tra phê duyệt quyết toán vốn đầu tư. Theo Công văn số 131/UBND-KTTH ngày 10 tháng 03 năm 2017, Công ty và Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp ký thêm phụ lục hợp đồng cho hợp đồng thuế số 02/HĐ, điều chỉnh giá thuế theo tổng giá trị vốn ngân sách đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp Trần Quốc Toản là 25.959.244.055 VND trong 40 năm, tính từ thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2017. Số dư tại ngày 30 tháng 06 năm 2019 là 24.661.281.851 VND, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 648.981.102 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Các khoản nợ thuế tài chính này được chi tiết như sau:

Thời hạn:	Tại ngày 30/06/2019			Tại ngày 01/01/2019		
	VND			VND		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Lãi thuế	Nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Lãi thuế	Nợ gốc
Từ 1 năm trở xuống	1.297.962.203	-	1.297.962.203	648.981.102	-	648.981.102
Trên 1 năm đến 5 năm	6.489.811.014	-	6.489.811.014	2.595.924.408	-	2.595.924.408
Trên 5 năm	16.873.508.634	-	16.873.508.634	21.416.376.340	-	21.416.376.340
Cộng	24.661.281.850	-	24.661.281.850	24.661.281.850	-	24.661.281.850

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 03 Đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.20. Vốn chủ sở hữu

4.20.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ VND	
Tại ngày 01/01/2018	386.000.000.000	(46.460.000)	24.295.888.974	53.332.126.814	463.581.555.788
Lãi hoạt động kinh doanh từ 01/01/2018 đến 31/12/2018	-	-	-	93.296.360.525	93.296.360.525
Chia cổ tức	-	-	-	(46.314.480.000)	(46.314.480.000)
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	18.659.272.105	(18.659.272.105)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(14.564.494.079)	(14.564.494.079)
Tặng khác	-	-	7.017.646.814	(7.017.646.814)	7.796.280.723
Tại ngày 01/01/2019	386.000.000.000	(46.460.000)	49.972.807.893	60.072.594.341	495.998.942.234
Lãi trong 6 tháng đầu năm 2019	-	-	-	51.840.126.038	51.840.126.038
Chia cổ tức	-	-	-	(60.054.442.400)	(60.054.442.400)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(7.989.769.414)	(7.989.769.414)
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	10.363.377.827	(10.363.377.827)	-
Thủ lao Người đại diện quản lý	-	-	-	(6.000.000)	(6.000.000)
Tại ngày 30/06/2019	386.000.000.000	(46.460.000)	60.336.185.720	33.499.130.738	479.788.856.458

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.20.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
UBND tỉnh Đồng Tháp	356.999.000.000	356.999.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	29.001.000.000	29.001.000.000
Cộng	386.000.000.000	386.000.000.000

4.20.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 01/01/2019
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành:	38.600.000	38.600.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng:	38.600.000	38.600.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ):	(4.600)	(4.600)
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành:	38.595.400	38.595.400

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.20.4. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2019	49.972.807.893
Trích trong kỳ	10.363.377.827
Chi trong kỳ	-
Tại ngày 30/06/2019	60.336.185.720

4.21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu cát khai thác	192.130.324.250	154.697.535.048
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	33.321.689.401	49.569.043.473
Doanh thu công trình XD CB	18.290.831.819	19.777.814.603
Doanh thu hàng hóa BĐS	20.186.884.363	10.554.859.364
Doanh thu thử nghiệm, dịch vụ khác	4.453.899.836	4.027.232.572
Doanh thu khác	3.818.182	151.190.000
Cộng	268.387.447.851	238.777.675.060

Trong đó, doanh thu bán hàng cho các bên liên quan – Xem thêm mục 4.32

1.769.924.480

3.015.602.280

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.22. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn cát khai thác	132.410.487.417	97.705.384.991
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm	23.438.929.862	37.888.611.625
Giá vốn công trình XD CB	17.550.697.485	19.233.972.969
Giá vốn hàng hóa BĐS	10.612.621.786	7.705.620.889
Giá vốn thử nghiệm, dịch vụ khác	4.750.212.373	2.287.771.220
Cộng	188.762.948.923	164.821.361.694

4.23. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	15.448.387.390	17.261.360.418
Cổ tức được chia – Xem thêm mục 4.32	238.693.000	918.050.000
Lãi tiền ký quỹ Bảo vệ Môi trường	90.011.688	69.320.508
Lãi phạt chậm thanh toán	395.036.767	6.000.000
Lãi tiền gửi thanh toán	1.732.239	4.213.712
Cộng	16.173.861.084	18.258.944.638

4.24. Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	4.515.587.349	1.102.502.738

4.25. Chi phí bán hàng

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.032.331.180	2.385.517.315
Chi phí nhân viên	2.265.161.631	2.313.922.672
Chi phí vật liệu, bao bì	2.467.149.742	2.099.237.759
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.894.238.566	2.038.829.233
Chi phí bằng tiền khác	1.613.994.576	991.147.188
Cộng	11.272.875.695	9.828.654.167

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.26. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	7.547.688.005	14.475.912.295
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.867.838.348	1.653.238.156
Chi phí dịch vụ mua ngoài	954.071.984	(275.283.945)
Thuế, phí và lệ phí	273.807.016	147.444.421
Chi phí vật liệu quản lý	125.995.316	147.444.421
Chi phí đồ dùng văn phòng	142.664.545	830.486.847
Trích lập chi phí dự phòng	-	106.945.909
Chi phí bằng tiền khác	6.191.640.967	4.502.813.115
Cộng	17.103.706.181	22.157.816.214

4.27. Thu nhập khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Kiểm kê phát hiện thừa	1.507.009.789	1.078.173.012
Cho thuê hội trường	12.545.455	28.363.638
Thu tiền điện thoại vượt	14.310.253	18.502.357
Lãi từ thanh lý TSCĐ	198.153.406	-
Khác	260.251.349	38.493.698
Cộng	1.992.270.252	1.163.532.705

4.28. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân công	66.908.807.626	61.716.390.027
Chi phí nguyên vật liệu	31.395.581.615	24.060.950.629
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.760.568.379	15.669.789.699
Chi phí khấu hao	10.520.666.087	9.033.255.039
Chi phí khác	61.801.584.503	57.394.531.108
Cộng	196.387.208.210	167.874.916.502

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.29. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	64.757.130.265	59.860.309.675
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	66.583.871	339.192.783
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(238.693.000)	(918.050.000)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	64.585.021.136	59.281.452.458
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	12.917.004.227	11.856.290.492
Trừ: Thuế TNDN được giảm của các kỳ trước	-	(220.320.000)
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	12.917.004.227	11.635.970.492

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế TNDN.

4.30. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	269.513.937.341	144.500.000.000

4.31. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	230.700.000.000	126.800.000.000
Tiền trả nợ gốc vay thuê tài chính	-	648.981.102
Cộng	230.700.000.000	127.448.981.102

4.32. Thông tin về các bên liên quanDanh sách các bên liên quan

1. Công ty CP Vận tải BMC Đồng Tháp
2. Công ty CP Tư vấn thiết kế Xây dựng BMC Đồng Tháp
3. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Mối quan hệ

Công ty con
Công ty con
Nhân sự quản lý chủ chốt

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng – Xem thêm mục 4.3:		
Công ty CP Vận tải BMC Đồng Tháp	398.999.335	99.597.479
	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn – Xem thêm mục 4.4:		
Công ty CP Vận tải BMC Đồng Tháp	1.500.000.000	-
	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Phải thu khác – Xem thêm mục 4.5:		
Công ty CP Tư vấn thiết kế Xây dựng BMC Đồng Tháp	2.000.000.000	2.000.000.000
	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Phải thu về cổ tức – Xem thêm mục 4.5:		
Công ty CP Vận tải BMC Đồng Tháp	238.693.000	618.050.000
	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Phải trả người bán ngắn hạn:		
Công ty CP Vận tải BMC Đồng Tháp	(1.530.483.085)	(1.379.013.143)
Công ty CP Tư vấn thiết kế Xây dựng BMC Đồng Tháp	-	(11.997.000)
	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Cộng – Xem thêm mục 4.12	(1.530.483.085)	(1.391.010.143)

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ – Xem thêm mục 4.21:		
Công ty CP Vận tải BMC Đồng Tháp	1.769.924.480	3.015.602.280

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Mua hàng và dịch vụ cung cấp:		
Công ty CP Vận tải BMC Đồng Tháp	10.516.787.813	13.290.162.475
Công ty CP Tư vấn thiết kế Xây dựng BMC Đồng Tháp	181.818.184	100.000.000
Cộng	10.698.605.997	13.390.162.475

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
--	-----------------------	-------------------------

Cổ tức được chia – Xem thêm mục 4.23:

Công ty CP Vận tải BMC Đồng Tháp	238.693.000	918.050.000
----------------------------------	-------------	-------------

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thù lao và thu nhập	5.636.046.000	4.854.531.000

4.33. Thu nhập Ban kiểm soát

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	1.287.832.000	680.510.000

4.34. Cam kết theo các hợp đồng thuê hoạt động

Công ty thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn trung bình là 30 năm, với tiền thuê cố định mỗi kỳ:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong kỳ	2.345.884.344	7.482.343.946

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Công ty có các khoản cam kết phải trả đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Từ 1 năm trở xuống	226.280.280	226.280.280
Trên 1 năm đến 5 năm	1.131.401.400	1.131.401.400
Trên 5 năm	7.504.962.620	7.618.102.760
Cộng	8.862.644.300	8.975.784.440

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.35. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính



Nguyễn Hữu Phước
Tổng Giám đốc
Đồng Tháp, ngày 14 tháng 08 năm 2019

Nguyễn Thành Trung
Kế toán trưởng

Nguyễn Phúc An
Người lập